



HỒ SƠ NĂNG LỰC

COMPANY PROFILE





MỤC LỤC

Index

5	VỀ CHÚNG TÔI • ABOUT US
6	GIỚI THIỆU • INTRODUCTION
10	LĨNH VỰC KINH DOANH • BUSSINESS SECTORS
12	MỤC TIÊU • OUR PURPOSE
14	TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH • VISION AND MISSION
16	LỊCH SỬ HÌNH THÀNH • HISTORY
18	CÔNG TY THÀNH VIÊN • MEMBER COMPANY
21	TASA LÀM GÌ? • WHAT WE DO?
22	THẾ MẠNH CỦA TASA • TASA'S ADVANTAGE
36	HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI • COMMERCIAL ACTIVITIES
40	TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG • SOCIAL AND ENVIRONMENTAL RESPONSIBILITY
45	SẢN PHẨM • PRODUCTS
46	XƯƠNG GẠCH • BODY TILES
48	BỀ MẶT • SURFACES
54	KÍCH THƯỚC • TILE SIZES
56	CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU • TYPICAL PROJECTS
58	CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG • QUALITY CERTIFICATIONS
60	THÔNG SỐ KỸ THUẬT • TECHNICAL SPECIFICATIONS

01

VỀ CHÚNG TÔI *ABOUT US*



GIỚI THIỆU

INTRODUCTION

TASA Group được thành lập năm 2013 tại Khu công nghiệp Thụy Vân, phường Nông Trang, tỉnh Phú Thọ. Chúng tôi tiên phong ứng dụng những công nghệ tiên tiến nhất thế giới vào quá trình sản xuất gạch ốp lát.

Hơn một thập kỷ phát triển, TASA đã trở thành một trong những thương hiệu hàng đầu trong ngành vật liệu xây dựng tại Việt Nam. TASA là thương hiệu đáng tin cậy tại thị trường trong nước cũng như quốc tế.

Năm 2024, TASA vinh dự nằm trong top 500 doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu tại Việt Nam, top 10 doanh nghiệp ngành Bất động sản – Xây dựng – Vật liệu xây dựng và lọt vào top 5 Công ty Vật liệu xây dựng nhóm ngành gạch ốp lát.

Với tinh thần “Kiến tạo an nhiên” - TASA cam kết mỗi sản phẩm đều được tạo ra bởi sự hòa quyện của vẻ đẹp tự nhiên, công nghệ hiện đại và sự khéo léo của bàn tay con người.

TASA Group was established in 2013 in the Thuy Van Industrial Park, Nong Trang Ward, Phu Tho Province. We are pioneers in integrating the world's most advanced technologies into the production of ceramic and porcelain tiles.

Over a decade of development, TASA has emerged as a leading brand in Vietnam's construction materials industry. TASA is a trusted name in both domestic and international markets.

In 2024, TASA was honored to be ranked among the Top 500 Highest Value-Creating Enterprises in Vietnam, the Top 10 Enterprises in the Real Estate – Construction – Building Materials sector, and secured a spot in the Top 5 Building Materials Companies in the tiles and flooring segment.

Driven by the spirit of “Creating Serenity”, TASA commits that every product is a masterpiece born from the harmony of natural beauty, modern technology, and exquisite human craftsmanship.



1200 •
NHÂN SỰ
Associates

> 30ha •
TỔNG DIỆN TÍCH NHÀ XƯỞNG
Total factory area

> 10.000 •
CỬA HÀNG ĐẠI LÝ
Dealers

> 65 •
NHÀ PHÂN PHỐI
TRÊN TOÀN QUỐC
Distributors nationwide

08 •
DÂY CHUYỀN
SẢN XUẤT HIỆN ĐẠI
Modern production lines

SẢN LƯỢNG BÁN RA
Sales volume

24 •
TRIỆU M²/NĂM
Millions sqm/year

XUẤT KHẨU ĐẾN TRÊN
Exports to over

20 •
NƯỚC
Countries

DOANH THU
Annual revenue

100 •
TRIỆU USD/NĂM
Millions dollars/year



LĨNH VỰC KINH DOANH

BUSSINESS SECTORS



1

Vật liệu xây dựng
Gạch ốp lát Ceramic, Porcelain, Granite.
Building materials
Porcelain tiles, Granite tiles, Ceramic tiles.



2

Khai khoáng
Khai thác chế biến nguyên liệu phục vụ ngành gốm sứ

Mining
Exploitation and processing of raw materials for the ceramic industry.



3

Thương mại và dịch vụ
• Dịch vụ vận tải và kho bãi
• Dịch vụ đại lý và phân phối

Trade and services
• Transportation and warehousing services.
• Agency and distribution services.

MỤC TIÊU

OUR PURPOSE

Mục tiêu phát triển trở thành nhà sản xuất kinh doanh gạch ốp lát hàng đầu tại Việt Nam.

Our goal is to become the leading manufacturer and trader of ceramic and porcelain tiles in Vietnam.

TASA Group phát triển bền vững dựa trên tiêu chí

- Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tốt nhất, thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng.
- Đảm bảo ổn định đời sống và thu nhập của người lao động.
- Thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm xã hội, vì sự phát triển chung của cộng đồng và thân thiện với môi trường.

TASA Group builds on sustainable values

- *Delivering top-quality products and services that meet customer needs to the fullest.*
- *Securing stable livelihoods and incomes for its workforce.*
- *Upholding social responsibility, contributing to community progress, and promoting environmental sustainability.*



Mục tiêu đến năm 2030

- Sản lượng đạt: 27 triệu m2/năm
- Doanh thu đạt: trên 3.000 tỷ VNĐ/năm
- Hướng đến dòng sản phẩm gạch cao cấp kích thước lớn

Goal to 2030

- *Product output: 27 millions sqm/year*
- *Revenue: more 3,000 billion VND/year*
- *Strategically focused on premium large-format tile products*

TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

VISION AND MISSION

Tầm nhìn

- Trở thành nhà sản xuất kinh doanh gạch ốp lát hàng đầu tại Việt Nam.
- Phát triển sản xuất kinh doanh, đi đôi với việc bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội.

Vision

- *To establish itself as the top tile manufacturer in Vietnam.*
- *To grow business operations while upholding environmental protection and social responsibility.*

Sứ mệnh

Không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm, đóng góp cho xã hội bằng việc cung cấp các sản phẩm gạch ốp lát hiện đại, thân thiện với môi trường, gia tăng giá trị cùng với các dịch vụ nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng.

Mission

To continuously enhance product quality and contribute to society by offering modern, eco-friendly tiles, adding value through services that fully meet customer demands.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

HISTORY

2013

Ngày 19/12/2013

Công ty Cổ phần gạch men TASA được thành lập.

TASA Ceramic Joint Stock Company was established.

2014

Ngày 02/04/2014

Khởi công xây dựng nhà máy TASA tại Phú Thọ

Construction begins on TASA's factory in Phu Tho.

2015

Ngày 01/05/2015

4 dây chuyền của giai đoạn 1 chính thức đưa vào sản xuất.

Four first-stage production lines were officially put into operation.

Ngày 30/09/2015

Đưa thêm 4 dây chuyền vào sản xuất, nâng tổng công suất lên 24 triệu m²/ năm.

With 4 new production lines added, total capacity has reached 24 million m² per year.

2022

Ngày 12/01/2022

Công ty Cổ phần gạch men Tasa chính thức đổi tên thành Công ty Cổ Phần TASA Group.

TASA Ceramic Joint Stock Company was officially renamed Tasa Group Joint Stock Company.

2024 - nay

Lọt vào Top 5 Công ty Sản xuất Vật liệu Xây dựng tại Việt Nam.

TASA Group ranked among the top 5 building materials companies in Vietnam.

Khu vực dây chuyền sản xuất
Manufacturing area

CÔNG TY THÀNH VIÊN

MEMBER COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN FRIT PHÚ XUÂN

Công ty được thành lập năm 2015, với ngành nghề sản xuất chính là Frit, một trong những nguyên liệu chính để sản xuất gạch ceramic, porcelain...

FRIT PHU XUAN JOINT STOCK COMPANY

Established in 2015, this company focuses on producing Frit, a key material used in the production of ceramic and porcelain tiles.



Trụ sở Công ty Cổ phần Frit Phú Xuân
Headquarters of Frit Phu Xuan Joint Stock Company

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ FRIT PHÚ SƠN

Được thành lập vào năm 2018 tại tỉnh Thừa Thiên Huế, Công ty Cổ phần Công nghệ FRIT Phú Sơn chuyên sản xuất Frit và Men gốm sứ cao cấp với công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm, đạt 100% công suất. Đến nay, công ty cung cấp sản phẩm cho hơn 30 khách hàng trong và ngoài nước.

FRIT PHU SON TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

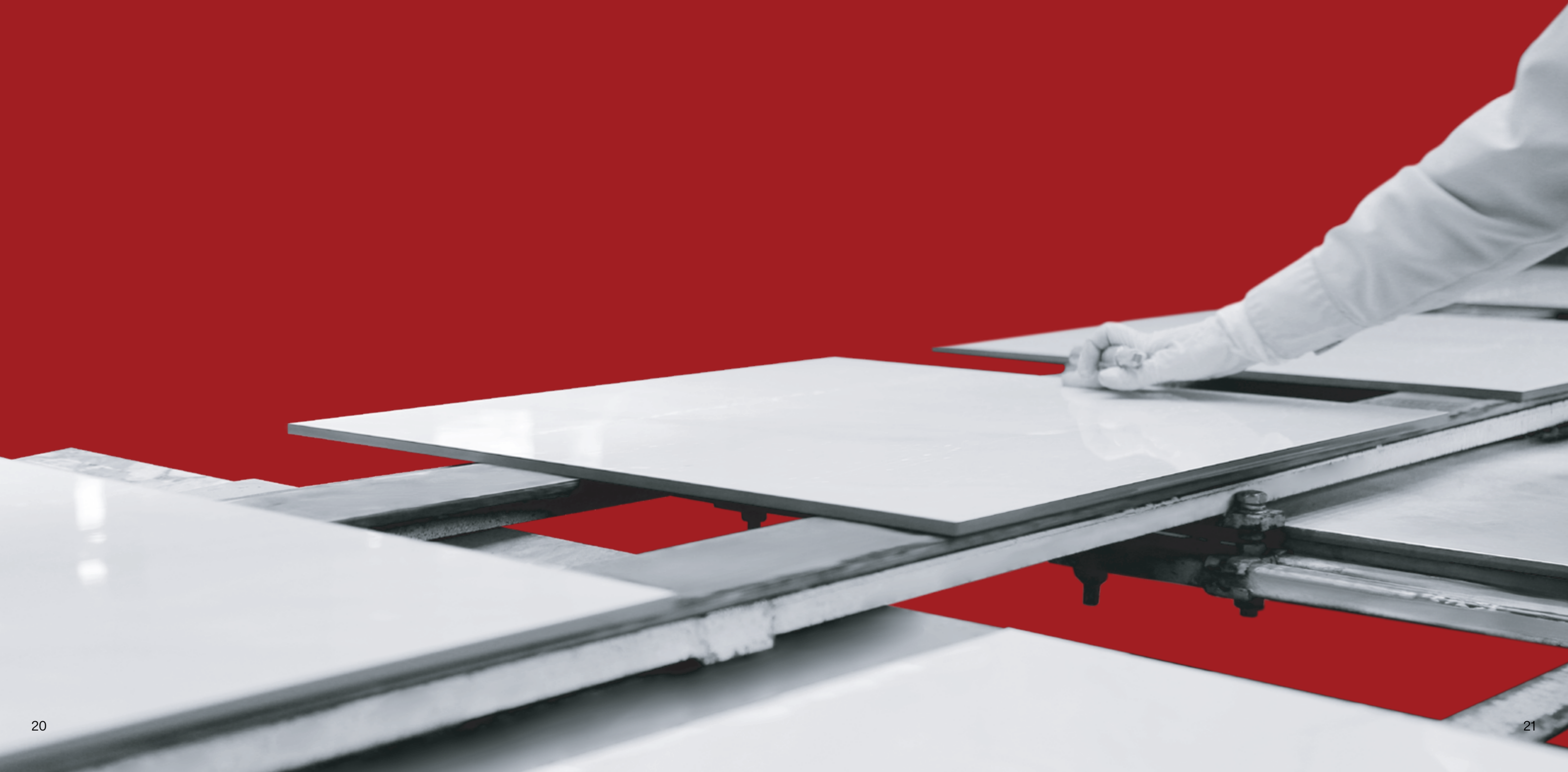
Founded in 2018 in Thua Thien Hue province, Phu Son Frit Technology JSC specializes in manufacturing premium ceramic Frit and glaze, with an annual production capacity of 30,000 tons, reaching 100% production capacity. To date, the company supplies its products to more than 30 customers, both in Vietnam and internationally.



Trụ sở Công ty Cổ phần Công nghệ Frit Phú Sơn
Headquarters of Frit Phu Son Technology Joint Stock Company

02

TASA LÀM GÌ?
WHAT WE DO?



THỂ MẠNH CỦA TASA

TASA'S ADVANTAGE

Vị trí địa lý

TASA Group nằm tại Khu Công nghiệp Thụy Vân, khu vực trung tâm tỉnh Phú Thọ - Nơi có tốc độ phát triển kinh tế nhanh chóng và là vùng kinh tế trọng điểm được Nhà nước đặc biệt quan tâm đầu tư.

Geographic location

TASA Group is located in the Thuy Van Industrial Park, the heart of Phu Tho Province – a rapidly growing economic hub and a key economic region receiving significant investment and strategic focus from the State.



Đường Quốc lộ 2
National Highway 2

<1km

Đường Xuyên Á
Asian Highway

5km

Ga Phủ Đức (tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai)
Phu Duc Railway Station (Hanoi-Lao Cai line)

0,5km

Cửa khẩu Lào Cai
Lao Cai Border Gate

250km



Sân bay Quốc tế Nội Bài
Noi Bai International Airport

50km



Cảng sông Việt Trì
Viet Tri River Port

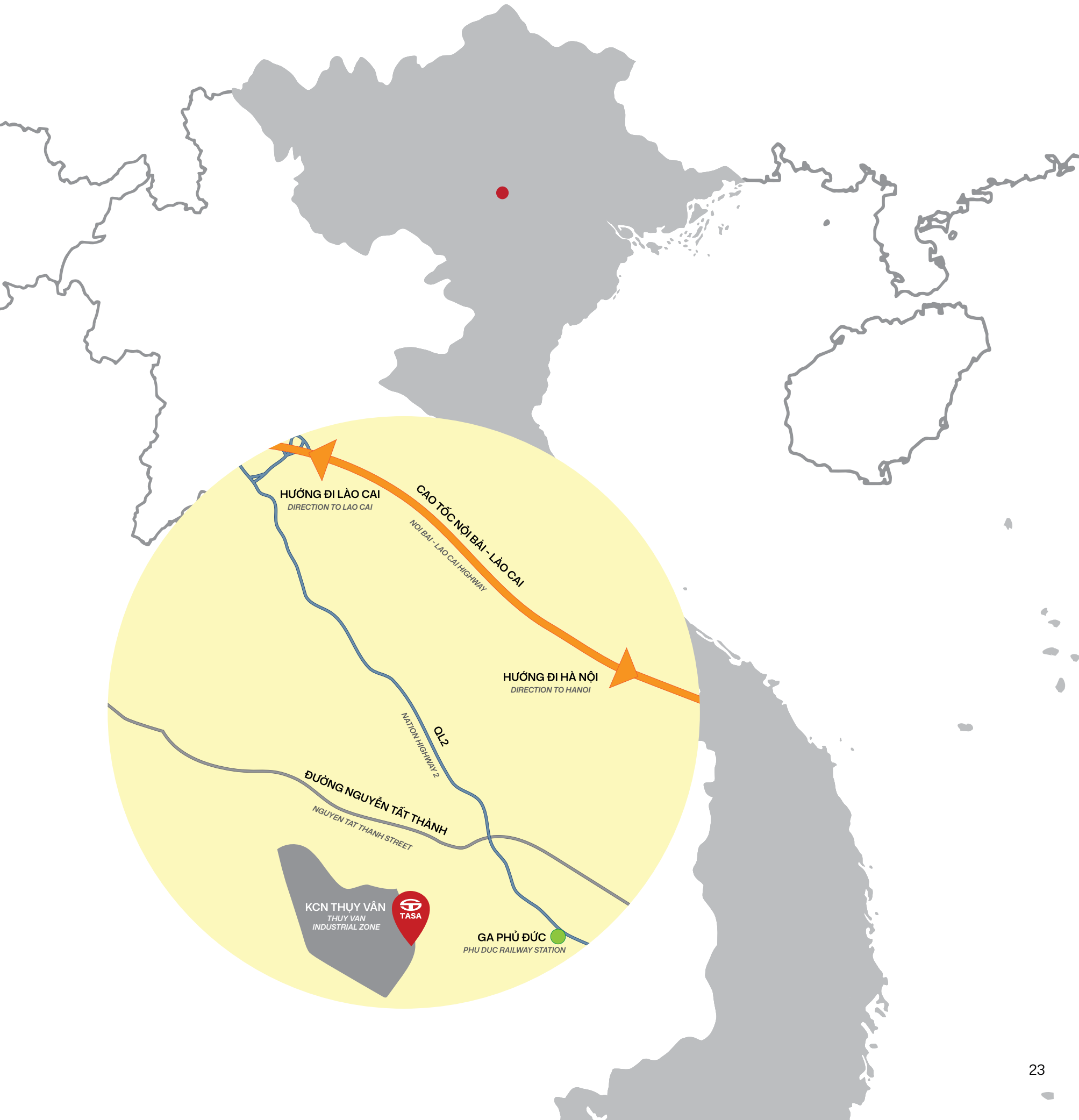
7km

Cảng biển Hải Phòng
Hai Phong Seaport

180km

Quá trình kết nối với các tiện ích giao thông đường bộ, đường thủy hay đường hàng không đều rất thuận tiện và nhanh chóng.

This location offers convenient and quick access to road, waterway, and air transportation networks.



Quy mô nhà xưởng
Factory scale

>30ha

TỔNG DIỆN TÍCH NHÀ XƯỞNG
Total factory area

>5ha

TỔNG DIỆN TÍCH KHO NGUYÊN LIỆU NGOÀI TRỜI
Total outdoor raw material warehouse area

220.000

TẤN NGUYÊN LIỆU THÔ
Tons of raw materials



Dây chuyền sản xuất

8 dây chuyền sản xuất chạy riêng biệt, dài kích thước sản phẩm trải rộng, với tổng công suất hiện tại là 24 triệu m²/năm.

Ngay từ đầu TASA Group đã định hướng đầu tư các thiết bị hiện đại, lựa chọn những nhà cung cấp nguyên vật liệu hàng đầu thế giới: Dây chuyền máy ép SACMI, dây chuyền lò nung MODENA, máy in Kỹ thuật số System đều được nhập khẩu 100% từ nước ngoài.

Production line

8 separate production lines with a wide range of product sizes, currently reaching a total capacity of 24 million square meters/year.

From the beginning, TASA Group has focused on investing in modern equipment and selecting top global material suppliers: SACMI Press Line, MODENA kiln Lines, and System Digital Printing Machines, all 100% imported from abroad.

Nguyên vật liệu

TASA Group hiểu rõ tầm quan trọng của nguyên liệu đầu vào đối với chất lượng sản phẩm. Vì vậy, tất cả nguyên liệu được tuyển chọn kỹ lưỡng từ các nhà cung cấp hàng đầu như Itaca, Fritta, Torrecid, Colorobbia... với nguồn gốc từ Tây Ban Nha, Italia...

Raw materials

TASA Group recognizes the vital role of raw materials in product quality. That's why all inputs are carefully selected from leading global suppliers such as Itaca, Fritta, Torrecid, Colorobbia... with materials imported from Spain, Italy...



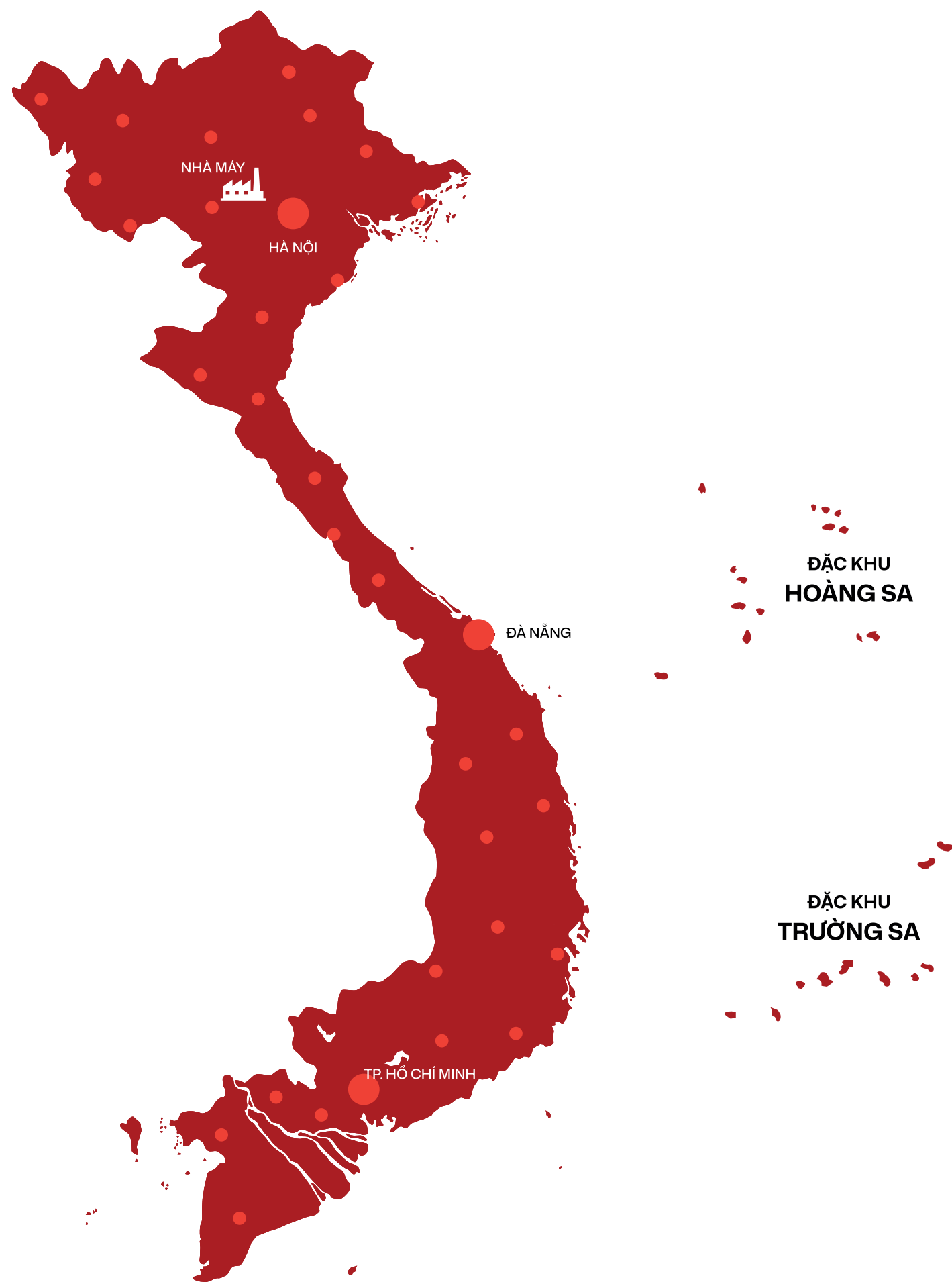


Showroom trưng bày sản phẩm

TASA Group chú trọng đầu tư phòng trưng bày mẫu, phòng chọn mẫu chuyên nghiệp. Năm 2025, TASA Group nâng cấp showroom với thiết kế hiện đại trưng bày các mẫu sản phẩm mới cao cấp để giới thiệu tới quý đối tác, khách hàng, nhà phân phối.

Product showrooms

TASA Group places a strong emphasis on investing in professional sample showrooms and selection rooms. In 2025, TASA Group upgraded its showroom with a modern design to showcase its latest premium product collections to partners, customers, and distributors.



Hệ thống nhà phân phối nội địa và xuất khẩu

Hiện tại, các sản phẩm Gạch ốp lát TASA có mặt tại gần 10.000 cửa hàng/đại lý rộng khắp cả nước, với hơn 65 nhà phân phối đã có kinh nghiệm lâu năm trong ngành Gạch ốp lát.

Khai thác tốt cơ hội phát triển của ngành gốm sứ Việt Nam gắn với ngành xây dựng trong nền kinh tế hội nhập, TASA Group đang từng bước tạo được uy tín trên thị trường trong nước và đưa sản phẩm ra thị trường quốc tế với lợi thế cạnh tranh về chất lượng, mẫu mã, chi phí sản xuất và công nghệ.

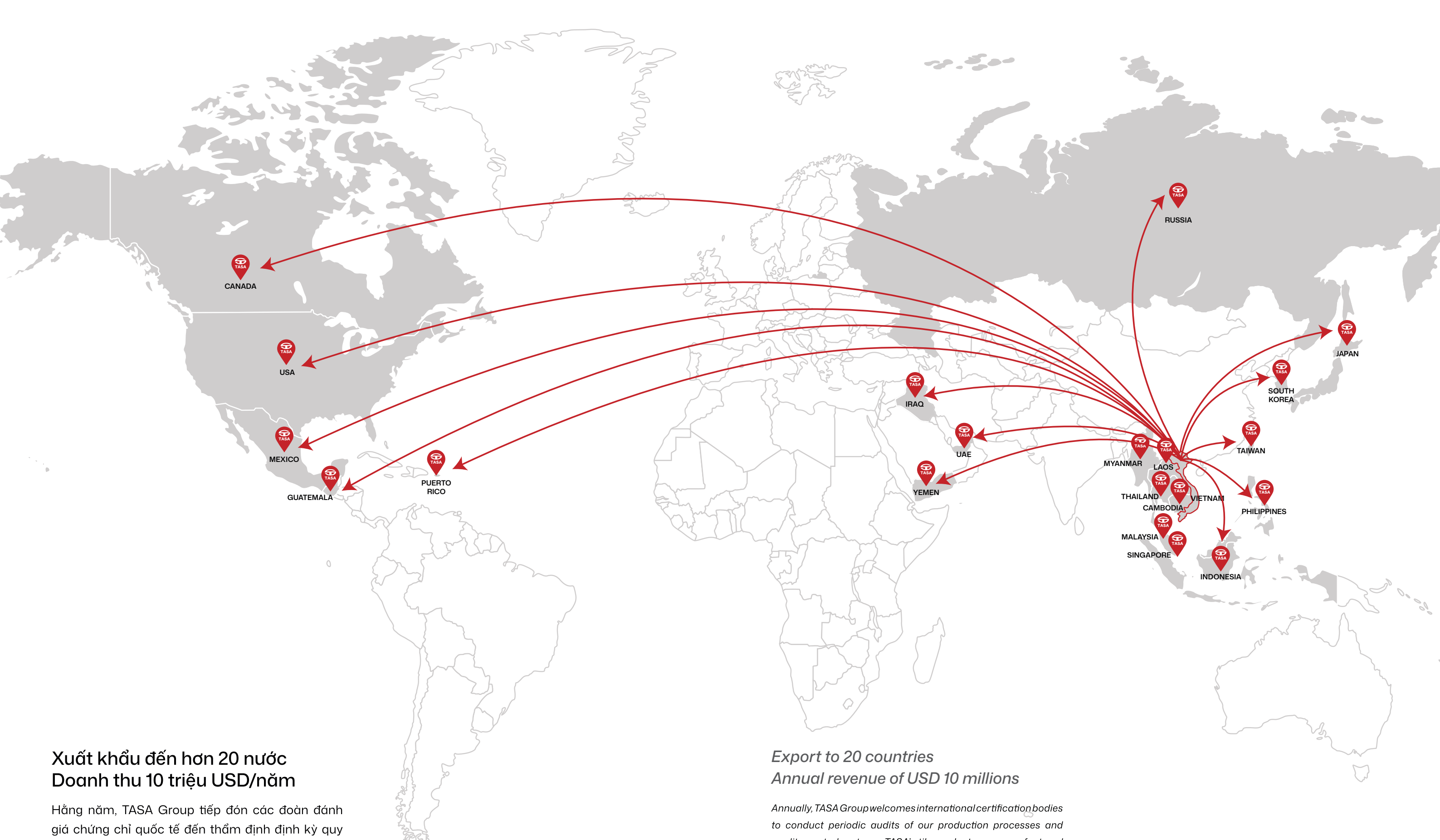


Domestic distribution and export system

Currently, TASA's tile products are available at nearly 10,000 retail outlets and showrooms nationwide, supported by over 65 distributors with extensive, long-standing experience in the ceramics industry.

By effectively capitalizing on growth opportunities within Vietnam's ceramics and construction sectors in an integrated economy, TASA Group is steadily enhancing its reputation in the domestic market. Simultaneously, we are expanding our international footprint, leveraging competitive advantages in quality, design, production costs, and advanced technology.





Xuất khẩu đến hơn 20 nước
Doanh thu 10 triệu USD/năm

Hằng năm, TASA Group tiếp đón các đoàn đánh giá chứng chỉ quốc tế đến thẩm định định kỳ quy trình sản xuất và hệ thống kiểm soát chất lượng tại nhà máy. Các sản phẩm gạch ốp lát TASA được sản xuất từ nguồn nguyên liệu của các nhà cung ứng hàng đầu thế giới, bảo đảm chất lượng ổn định, tính thẩm mỹ cao và tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế.

Export to 20 countries
Annual revenue of USD 10 millions

Annually, TASA Group welcomes international certification bodies to conduct periodic audits of our production processes and quality control systems. TASA's tile products are manufactured using premium raw materials sourced from world-leading suppliers, ensuring consistent quality, high aesthetic appeal, and full compliance with international technical standards.

HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI

COMMERCIAL ACTIVITIES



Triển lãm VietBuild

TASA Group nhiều năm liền là Nhà tài trợ chính của Triển lãm uy tín Vietbuild. Tại đây, TASA Group đã giới thiệu đến khách hàng trong và ngoài nước những sản phẩm mới, công nghệ sản xuất hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế.

VietBuild Exhibition

For many consecutive years, TASA Group has served as the Main Sponsor of the prestigious Vietbuild International Exhibition. At this premier event, TASA Group showcases its latest product lines and state-of-the-art production technologies, all of which meet rigorous international standards, to both domestic and foreign customers.



Gian hàng TASA tại triển lãm VietBuild 2025
Tasa's booth at Vietbuild Exhibition 2025



Chương trình xúc tiến thương mại, du lịch

TASA Group tự hào sở hữu hệ thống khách hàng rộng khắp Việt Nam và nhiều thị trường quốc tế trọng điểm như Đông Nam Á, Hàn Quốc, Đài Loan, Mỹ và châu Âu... Hàng năm, TASA tổ chức các chương trình sự kiện nhằm bày tỏ sự tri ân tới quý khách hàng, những đối tác đã luôn đồng hành cùng TASA Group vượt qua thách thức và phát triển bền vững.

Trade and tourism promotion program

TASA Group takes pride in its extensive customer network spanning across Vietnam and key international markets, including Southeast Asia, South Korea, Taiwan, the USA, and Europe. Each year, TASA hosts special events to express our sincere gratitude to our valued customers and partners—those who have stood by TASA Group through every challenge to achieve sustainable growth together.



TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

SOCIAL AND ENVIRONMENTAL RESPONSIBILITY

Hoạt động cộng đồng

Tasa Group luôn cam kết thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, đồng hành cùng các cấp chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể xã hội thực hiện các chương trình giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, người có công với cách mạng, người già neo đơn, nạn nhân của chiến tranh, thiên tai, chương trình bảo vệ môi trường, hiến máu nhân đạo...

Community activities

TASA Group is deeply committed to corporate social responsibility, actively collaborating with local authorities and social organizations to support underprivileged individuals and communities. Our initiatives focus on providing aid to families under preferential social policies, people with meritorious service to the nation, the lonely elderly, and victims of war or natural disasters. Furthermore, we take a proactive role in environmental protection programs and humanitarian blood donation drives.

Công tác hoạt động đoàn thể

Tại TASA Group, các tổ chức đoàn thể như Chi bộ Đảng, Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Ban Nữ công... được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động đúng quy định pháp luật. Thông qua các hoạt động thiết thực, các tổ chức này góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi hợp pháp và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Organizational activities

At TASA Group, social and political organizations—including the Party Cell, the Grassroots Trade Union, the Ho Chi Minh Communist Youth Union, and the Women's Affairs Committee—are fully supported by the Board of Directors and the Board of Management to operate in strict compliance with the law. Through practical initiatives, these organizations play a vital role in cultivating corporate culture, safeguarding the legal rights of employees, and enhancing both the material and spiritual well-being of our workforce.





Chính sách bảo vệ môi trường *Environmental protection policies*

1.

Cung cấp các sản phẩm đã kiểm soát mức độ ảnh hưởng tới con người và môi trường theo quy định

We supply products with strictly controlled environmental and human health impacts, in full compliance with established statutory regulations.

2.

Phát triển các dòng sản phẩm mới, tập trung duy trì và nâng cao mức độ thân thiện với môi trường và thiên nhiên.

We are dedicated to developing new product lines with a primary focus on maintaining and enhancing eco-friendliness and harmony with nature.

3.

Chủ động phòng ngừa và kiểm soát các rủi ro liên quan đến môi trường, an toàn và sức khỏe trong quá trình khách hàng sử dụng sản phẩm.

We proactively prevent and control risks related to the environment, safety, and health throughout the product's life cycle and during customer usage.

4.

Đảm bảo môi trường sản xuất trong lành, an toàn, giảm thiểu khí thải, chất độc hại trong quá trình sản xuất.

Ensure a clean and safe production environment, minimizing emissions and hazardous substances during the manufacturing process.

5.

Xử lý nước thải theo đúng quy định, thúc đẩy việc tái sử dụng và phục hồi nguồn tài nguyên nước.

Properly treat wastewater in accordance with regulations, promoting the reuse and restoration of water resources.

6.

Đào tạo, tuyên truyền cho đội ngũ cán bộ, nhân viên về các vấn đề môi trường, an toàn và sức khỏe

We conduct regular training and awareness programs for our staff and employees regarding environmental, safety, and health (EHS) issues.

03

SẢN PHẨM
PRODUCTS



XƯƠNG GẠCH

BODY TILES

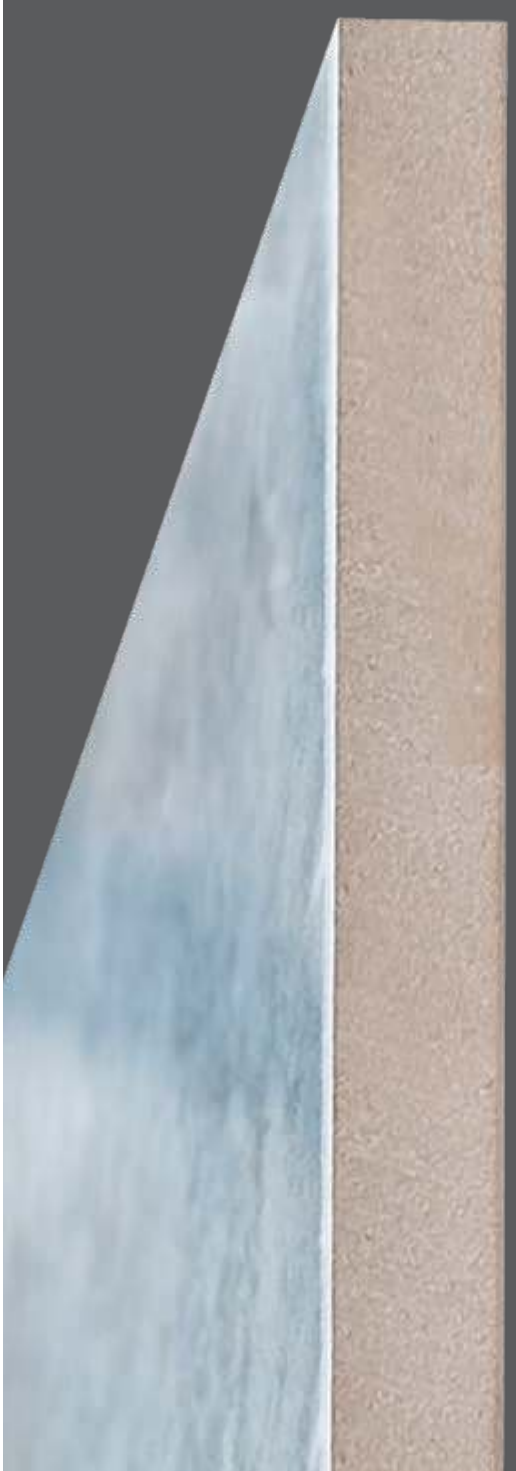
Granite



Porcelain



Ceramic



Tasa Group đang sản xuất 3 loại xương gạch:
TASA Group currently manufactures three core tile body types:

- Granite
- Porcelain
- Ceramic

BỀ MẶT

SURFACES



Men bóng

- Men bóng thông thường
- Men mài bóng Nano
- Men mài bóng vi tinh

Glossy

- Glossy Glaze
- Nano Polished Glaze
- Micro-Crystal Polished Glaze

Men mờ

- Men matt thường
- Men matt mịn
- Men matt tinh thể
- Men matt chống trơn trượt (Anti-slip)

Matt

- Matt Finish
- Matt Silk Finish
- Matt Crystal Finish
- Anti-Slip Finish

Sần

Bề mặt đa dạng được tạo bởi nhiều cách khác nhau:

- Khuôn chày tạo hình
- Men phủ hiệu ứng
- Mực in hiệu ứng
- In và nung nhiều lần (Nung 3, nung 4)

Structure

A diverse range of surface textures is achieved through multiple advanced production techniques, including:

- Structured Press Moulding Technology
- Special Effect Glaze Application
- Digital Effect Ink Printing
- Multiple Firing Technology (Triple Firing, Quadruple Firing)



Marble

Mang vẻ ngoài bắt mắt với đường vân tự nhiên, trong trẻo của đá cẩm thạch, gạch hiệu ứng Marble được ứng dụng trong trang trí nội thất nhằm mang đến sự sang trọng và đẳng cấp.

With a beautiful, eye-catching appearance and natural grain, Marble-effect tiles are used in interior decoration to bring luxury and class.



Stone

Gạch hiệu ứng Stone tái hiện vẻ đẹp mộc mạc và chắc chắn của đá tự nhiên. Loại gạch này mang đến cảm giác gần gũi với thiên nhiên, phù hợp với các không gian ngoại thất, sân vườn hoặc các thiết kế nội thất theo phong cách rustic và hiện đại.

Stone-effect tiles replicate the rustic and sturdy beauty of natural stone. They bring a touch of nature to any space, making them suitable for outdoor areas, gardens, or interiors with rustic or modern design themes.



Cement

Gạch hiệu ứng Cement mang đến vẻ đẹp hiện đại, tối giản và phóng khoáng. Với bề mặt nhẵn và tông màu trung tính, loại gạch này rất được ưa chuộng trong các thiết kế công nghiệp, tối giản hoặc không gian mang phong cách đô thị hiện đại.

Cement-effect tiles deliver a modern, minimalist, and open look. With smooth surfaces and neutral tones, these tiles are highly favored in industrial, minimalist, or contemporary urban designs.



Wood

Gạch hiệu ứng Wood kết hợp giữa vẻ đẹp ấm áp của gỗ tự nhiên và độ bền vượt trội của gạch. Với các đường vân gỗ sống động, loại gạch này tạo cảm giác ấm cúng, thân thiện, thích hợp cho phòng ngủ, phòng khách hoặc không gian mang phong cách Bắc Âu.

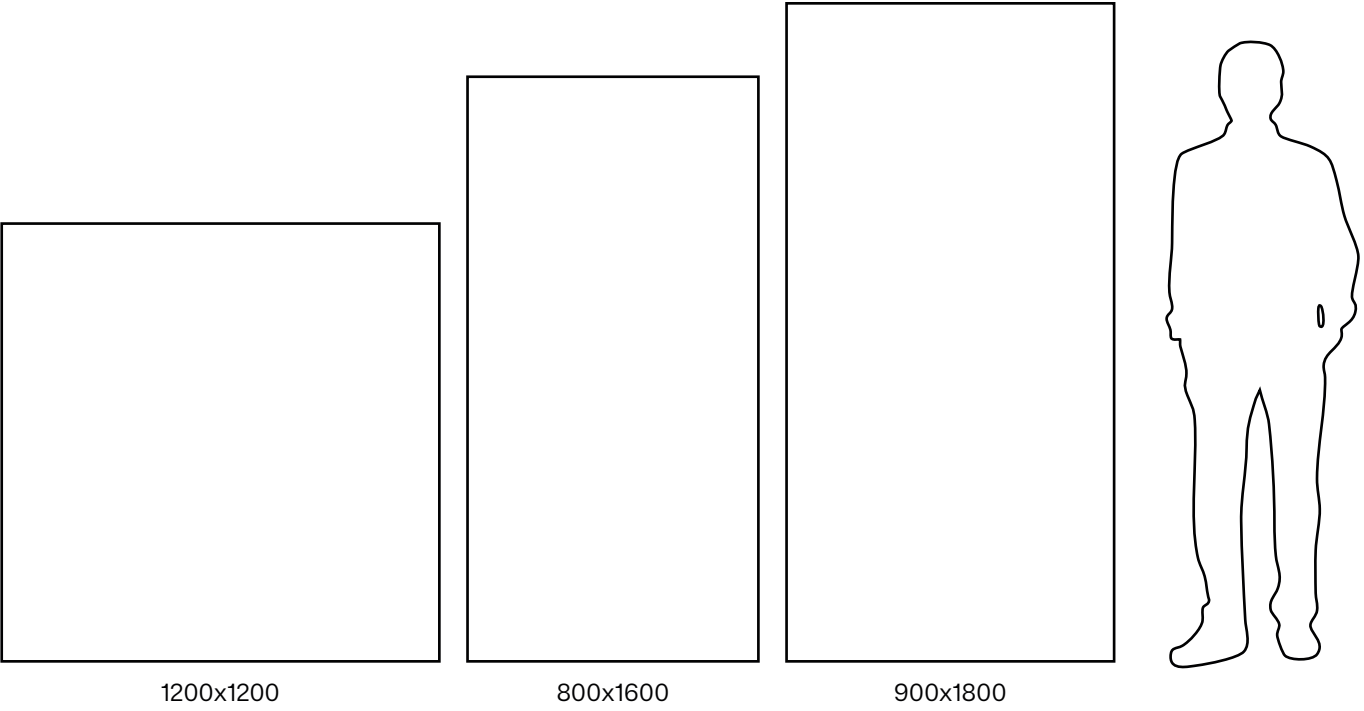
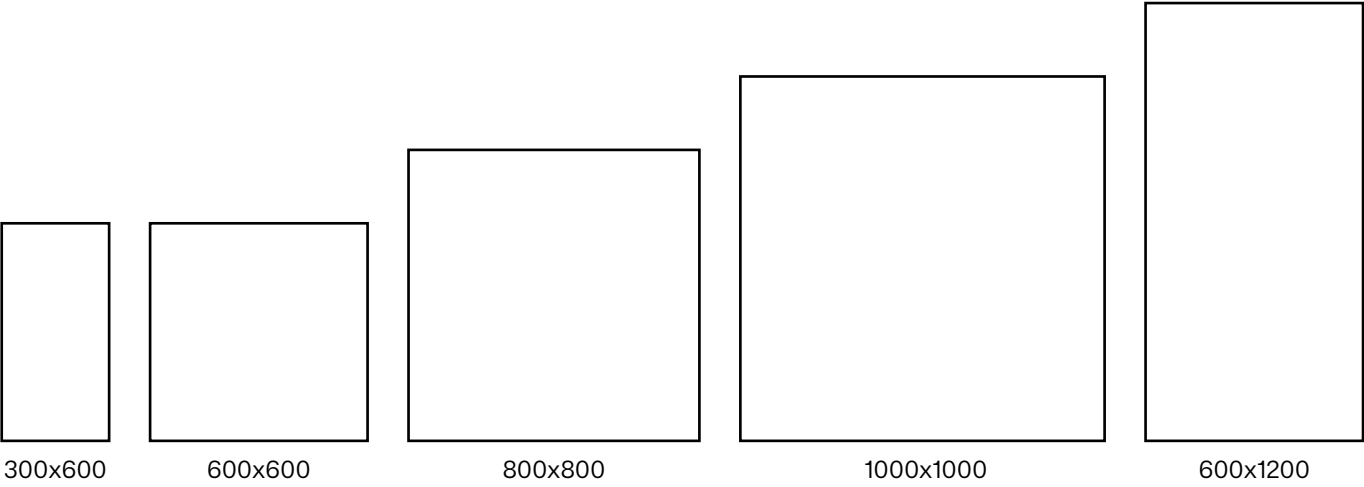
Wood-effect tiles combine the warm, inviting look of natural wood with the superior durability of tiles. Featuring realistic wood grain patterns, they offer a cozy and welcoming feel, ideal for bedrooms, living areas, or Scandinavian-inspired interiors.

KÍCH THƯỚC

TILE SIZES

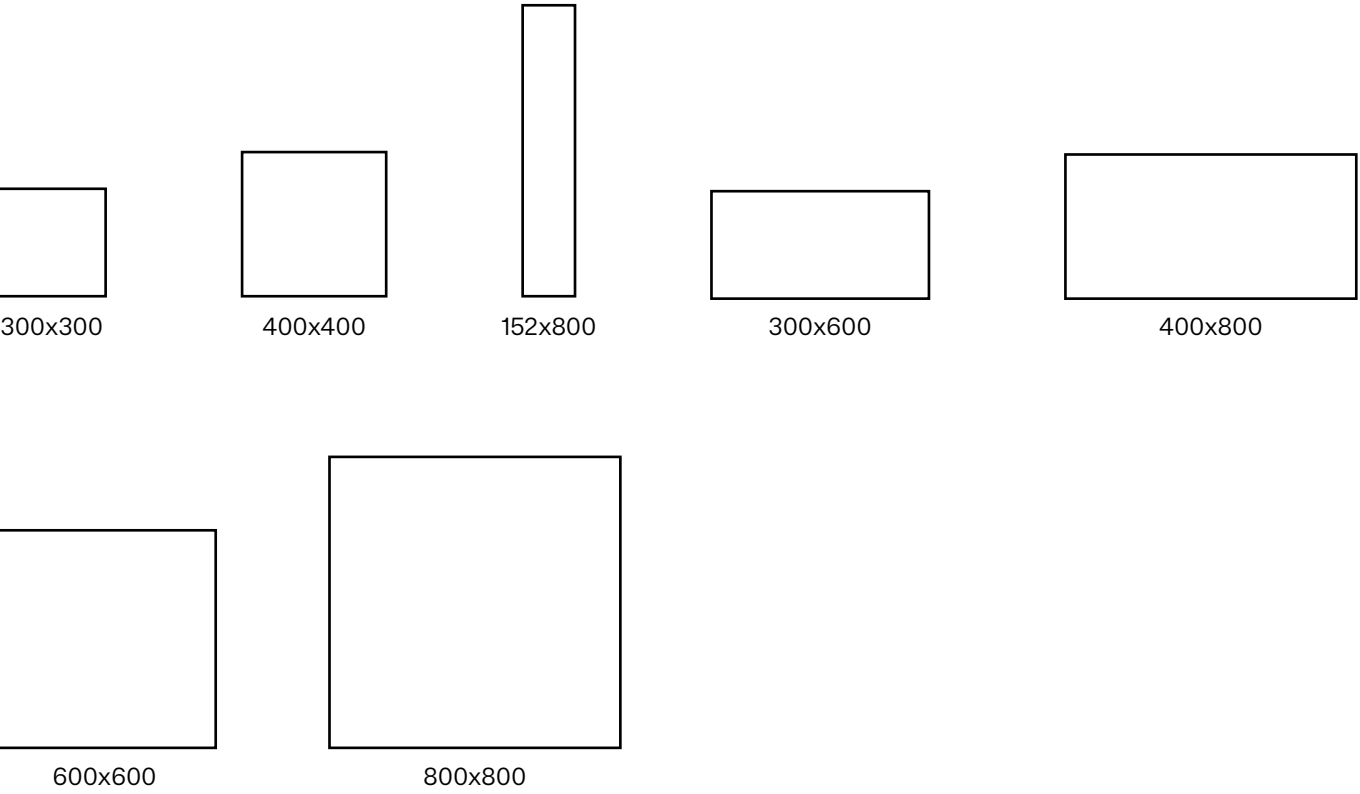
Kích thước gạch Granite (Đơn vị: mm)

Granite tile sizes (Unit: mm)



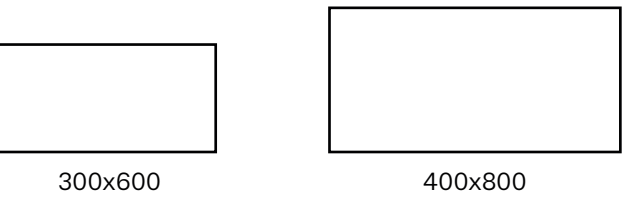
Kích thước gạch Porcelain (Đơn vị: mm)

Porcelain tile sizes (Unit: mm)



Kích thước gạch Ceramic (Đơn vị: mm)

Ceramic tiles size (Unit: mm)



CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU

TYPICAL PROJECTS



Dự án Gamuda
Gamuda Project



Dự án The 6 Nature Đà Nẵng
The 6 Nature Da Nang Project



Dự án Vinaconex
Vinaconex Project



Dự án Alansea Đà Nẵng
Alansea Da Nang Project



Dự án Dream Home 1
Dream Home 1 Project



Dự án cao ốc Hưng Phát 2
Hung Phat 2 Building Project



Dự án P.A Tower Đà Nẵng
P.A Tower Da Nang Project



Dự án Riva Park
Riva Park Project

CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG

QUALITY CERTIFICATIONS



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

TECHNICAL SPECIFICATIONS

GRANITE TILES / GROUP BIα

STT	Tên chỉ tiêu		Đơn vị	Tiêu chuẩn TCVN 13113:2020 ISO 13006:2018 BS EN 14411:2016	Tiêu chuẩn TASA
1	Độ hút nước (Water Absorption)		%	Eb ≤ 0,5%	Eb ≤ 0,5%
2	Độ hút nước mẫu đơn lớn nhất (Individual maximum)		%	Eb ≤ 0,6%	Eb ≤ 0,6%
3	Độ bền uốn (Modulus of rupture)		MPa (N/mm²)	≥ 35	≥ 35
4	Độ bền uốn mẫu đơn nhỏ nhất (Individual minimum)		MPa (N/mm²)	≥ 32	≥ 32
5	Lực uốn gãy (Breaking strength)		N	≥ 1300	≥ 1500
6	Độ cứng bề mặt - Mohs (Scratch hardness of surface)	Nano Polish	Cấp	Tối thiểu cấp 5	5 - 5,5
		Matt Silk			6 - 7
7	Độ chịu mài mòn bề mặt (Resistance to surface abrasion)	Nano Polish	Vòng - Cấp	Do nhà sản xuất chỉ ra	≥ 600-II
		Matt Silk			≥ 750-III
8	Độ bền chống bám bẩn (Resistance to staining)		Cấp	Tối thiểu cấp 3	Tối thiểu cấp 3
9	Hệ số giãn nở nhiệt dài từ nhiệt độ môi trường đến 100°C. (Coefficient of linear thermal expansion from ambient temperature to 100°C.)		10 ⁻⁶ /°C	≤ 9	≤ 9
10	Hệ số giãn nở ẩm (Moisture expansion)		Mm/m	≤ 0,6 (recommended by ISO 13006:2018) annexP	≤ 0,6
11	Độ bền rạn men (Crazing resistance)		-	Không rạn	Không rạn
12	Độ bền băng giá (Frost resistance)		Chu kỳ	≥ 100 Không nứt	≥ 100 Không nứt
13	Độ bền hóa chất (Resistance to chemicals)				
13.1	Hóa phẩm dân dụng và Muối hồ bơi. (Household chemicals and Swimming pool salts)		Loại	Không thấp hơn loại GB	Không thấp hơn loại GB
13.2	Axit và kiềm nồng độ thấp (Low concentration of acids and alkalis)		Loại	Không quy định	Không thấp hơn loại GLB
13.3	Axit và kiềm nồng độ cao (High concentration of acids and alkalis)		Loại	Không quy định	Không thấp hơn loại GHB
14	Hệ số ma sát sau quá trình thử: Gạch lát nền (Coefficient of friction)	Nano Polish	-	-	0,16 - 0,28
		Matt Silk	-	-	0,2 - 0,4
15	Sự khác biệt nhỏ về màu (Small colour differences)		-	-	-
16	Độ bền va đập bằng cách đo hệ số phản hồi (Impact resistance by measurement of coefficient of restitution)		-	-	-
17	Độ thôi chì và cadimi (Lead and Cadmium release)		-	-	-

PORCELAIN TILES / GROUP BIα

STT	Tên chỉ tiêu		Đơn vị	Tiêu chuẩn TCVN 13113:2020 ISO 13006:2018 BS EN 14411:2016	Tiêu chuẩn TASA
1	Độ hút nước (Water Absorption)		%	3<Eb≤6%	3<Eb≤6%
2	Độ hút nước mẫu đơn lớn nhất (Individual maximum)		%	Eb≤6,5%	Eb≤6,5%
3	Độ bền uốn (Modulus of rupture)		MPa (N/mm²)	≥ 22	≥ 25
4	Độ bền uốn mẫu đơn nhỏ nhất (Individual minimum)		MPa (N/mm²)	≥ 20	≥ 20
5	Lực uốn gãy (Breaking strength)		N	≥ 1000	≥ 1200
6	Độ cứng bề mặt - Mohs (Scratch hardness of surface)	Glossy	Cấp	Tối thiểu cấp 5	5 - 5,5
		Matt			6 - 7
7	Độ chịu mài mòn bề mặt (Resistance to surface abrasion)	Glossy	Vòng - Cấp	Do nhà sản xuất chỉ ra	≥ 600-II
		Matt			≥ 750-III
8	Độ bền chống bám bẩn (Resistance to staining)		Cấp	Tối thiểu cấp 3	Tối thiểu cấp 3
9	Hệ số giãn nở nhiệt dài từ nhiệt độ môi trường đến 100°C. (Coefficient of linear thermal expansion from ambient temperature to 100°C.)		10 ⁻⁶ /°C	≤ 9	≤ 9
10	Hệ số giãn nở ẩm (Moisture expansion)		Mm/m	≤ 0,6 (recommended by ISO 13006:2018) annexP	≤ 0,6
11	Độ bền rạn men (Crazing resistance)		-	Không rạn	Không rạn
12	Độ bền băng giá (Frost resistance)		Chu kỳ	≥ 100 Không nứt	≥ 100 Không nứt
13	Độ bền hóa chất (Resistance to chemicals)				
13.1	Hóa phẩm dân dụng và Muối hồ bơi. (Household chemicals and Swimming pool salts)		Loại	Không thấp hơn loại GB	Không thấp hơn loại GB
13.2	Axit và kiềm nồng độ thấp (Low concentration of acids and alkalis)		Loại	Không quy định	Không thấp hơn loại GLB
13.3	Axit và kiềm nồng độ cao (High concentration of acids and alkalis)		Loại	Không quy định	Không thấp hơn loại GHB
14	Hệ số ma sát sau quá trình thử: Gạch lát nền (Coefficient of friction)	Glossy	-	-	0,16 - 0,28
		Matt	-	-	0,2 - 0,4
15	Sự khác biệt nhỏ về màu (Small colour differences)		-	-	-
16	Độ bền va đập bằng cách đo hệ số phản hồi (Impact resistance by measurement of coefficient of restitution)		-	-	-
17	Độ thôi chì và cadimi (Lead and Cadmium release)		-	-	-

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

TECHNICAL SPECIFICATIONS

PORCELAIN TILES / GROUP BIb

STT	Tên chỉ tiêu		Đơn vị	Tiêu chuẩn TCVN 13113:2020 ISO 13006:2018 BS EN 14411:2016	Tiêu chuẩn TASA
1	Độ hút nước (Water Absorption)		%	0,5<Eb≤3%	0,5<Eb≤3%
2	Độ hút nước mẫu đơn lớn nhất (Individual maximum)		%	Eb≤3,3%	Eb≤3,3%
3	Độ bền uốn (Modulus of rupture)		MPa (N/mm²)	≥ 30	≥ 30
4	Độ bền uốn mẫu đơn nhỏ nhất (Individual minimum)		MPa (N/mm²)	≥ 27	≥ 27
5	Lực uốn gãy (Breaking strength)		N	≥ 1100	≥ 1300
6	Độ cứng bề mặt - Mohs (Scratch hardness of surface)	Glossy	Cấp	Tối thiểu cấp 5	5 - 5,5
		Matt			6 - 7
7	Độ chịu mài mòn bề mặt (Resistance to surface abrasion)	Glossy	Vòng - Cấp	Do nhà sản xuất chỉ ra	≥ 600-II
		Matt			≥ 750-III
8	Độ bền chống bám bẩn (Resistance to staining)		Cấp	Tối thiểu cấp 3	Tối thiểu cấp 3
9	Hệ số giãn nở nhiệt dài từ nhiệt độ môi trường đến 100°C. (Coefficient of linear thermal expansion from ambient temperature to 100°C.)		10 ⁻⁶ /°C	≤ 9	≤ 9
10	Hệ số giãn nở ẩm (Moisture expansion)		Mm/m	≤ 0,6 (recommended by ISO 13006:2018) annexP	≤ 0,6
11	Độ bền rạn men (Crazing resistance)		-		
12	Độ bền băng giá (Frost resistance)		Chu kỳ	≥ 100 Không nứt	≥ 100 Không nứt
13	Độ bền hóa chất (Resistance to chemicals)				
13.1	Hóa phẩm dân dụng và Muối hồ bơi. (Household chemicals and Swimming pool salts)		Loại	Không thấp hơn loại GB	Không thấp hơn loại GB
13.2	Axit và kiềm nồng độ thấp (Low concentration of acids and alkalis)		Loại	Không quy định	Không thấp hơn loại GLB
13.3	Axit và kiềm nồng độ cao (High concentration of acids and alkalis)		Loại	Không quy định	Không thấp hơn loại GHB
14	Hệ số ma sát sau quá trình thử: Gạch lát nền (Coefficient of friction)	Glossy			0,16 - 0,28
		Matt			0,2 - 0,4
15	Sự khác biệt nhỏ về màu (Small colour differences)		-	-	-
16	Độ bền va đập bằng cách đo hệ số phản hồi (Impact resistance by measurement of coefficient of restitution)		-	-	-
17	Độ thôi chì và cadimi (Lead and Cadmium release)		-	-	-

CERAMIC TILES / GROUP BIII

STT	Tên chỉ tiêu		Đơn vị	Tiêu chuẩn TCVN 13113:2020 ISO 13006:2018 BS EN 14411:2016	Tiêu chuẩn TASA
1	Độ hút nước (Water Absorption)		%	Eb>10%	Eb>10%
2	Độ hút nước mẫu đơn lớn nhất (Individual maximum)		%	Eb≥9%	Eb≥9%
3	Độ bền uốn (Modulus of rupture)		MPa (N/mm²)	≥ 12	≥ 18
4	Lực uốn gãy (Breaking strength)		N	≥ 600	≥ 800
5	Độ cứng bề mặt - Mohs (Scratch hardness of surface)	Glossy	Cấp	Tối thiểu cấp 3	Tối thiểu cấp 5
		Matt			
6	Độ chịu mài mòn bề mặt (Resistance to surface abrasion)	Glossy	Vòng - Cấp	Do nhà sản xuất chỉ ra	≥ 600-II
		Matt			≥ 750-III
7	Độ bền chống bám bẩn (Resistance to staining)		Cấp	Tối thiểu cấp 3	Tối thiểu cấp 3
8	Hệ số giãn nở nhiệt dài từ nhiệt độ môi trường đến 100°C. (Coefficient of linear thermal expansion from ambient temperature to 100°C.)		10 ⁻⁶ /°C	≤ 9	≤ 9
9	Hệ số giãn nở ẩm (Moisture expansion)		Mm/m	≤ 0,6 (recommended by ISO 13006:2018) annexP	≤ 0,6
10	Độ bền rạn men (Crazing resistance)		-	Không rạn	Không rạn
11	Độ bền băng giá (Frost resistance)		Chu kỳ	≥ 100 Không nứt	≥ 100 Không nứt
12	Độ bền hóa chất (Resistance to chemicals)				
13	Hóa phẩm dân dụng và Muối hồ bơi. (Household chemicals and Swimming pool salts)		Loại	Không thấp hơn loại GB	Không thấp hơn loại GB
13.1	Axit và kiềm nồng độ thấp (Low concentration of acids and alkalis)		Loại	Không quy định	Không thấp hơn loại GLB
13.2	Axit và kiềm nồng độ cao (High concentration of acids and alkalis)		Loại	Không quy định	Không thấp hơn loại GHB
13.3	Hệ số ma sát sau quá trình thử: Gạch lát nền (Coefficient of friction)	Glossy	-	-	0,16 - 0,28
		Matt	-	-	0,2 - 0,4
14	Sự khác biệt nhỏ về màu (Small colour differences)		-	-	-
15	Độ bền va đập bằng cách đo hệ số phản hồi (Impact resistance by measurement of coefficient of restitution)		-	-	-
16	Độ thôi chì và cadimi (Lead and Cadmium release)		-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TASA GROUP

Địa chỉ: Lô B2-B3 KCN Thụy Vân, Phường Nông Trang, T.Phú Thọ, Việt Nam

Tel: (+84) 2103 742 999

Website: tasaceramic.vn



TASA GROUP JOINT STOCK COMPANY

Address: Lot B2-B3 Thuy Van Industrial zone, Nong Trang Ward, Phu Tho Province, Vietnam

Tel: (+84) 2103 742 999

Website: tasaceramic.vn





CÔNG TY CỔ PHẦN TASA GROUP

Lô B2-B3, KCN Thụy Vân, phường Nông Trang,
tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Tel: (+84) 02103 979 888

tasaceramic.vn

export.tasaceramic@gmail.com